

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 23 – 5 – 2018
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mua.

2. Ông Phan Kiên Nhẫn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2018/TLST– HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim X, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Lê Anh D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp P, xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Kim X trình bày:

Vào năm 2017 trên cơ sở quen biết, tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của gia đình chị X và anh D tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian hạnh phúc vợ chồng được khoảng 05 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh D không lo làm ăn, bất đồng quan điểm, anh D thường dùng lời lẽ xúc phạm danh dự và đe dọa tính mạng chị X nhiều lần, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Hiện chị X không còn tình cảm với anh D nên yêu cầu ly hôn. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Lê Anh D trình bày: Anh D thống nhất theo trình bày của chị X về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh D đi nhậu về chị X thường cần nhàn. Chị X tự bỏ về nhà cha mẹ ruột ở anh D có qua rước nhưng chị Xa không chịu về.

Nay anh D không đồng ý ly hôn với chị X. Về con chung, về tài sản chung; về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

Do vụ việc không thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình không có ý kiến và không tham gia phiên tòa sơ thẩm trong vụ việc này.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

+ Nguyên đơn là chị X đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án bao gồm: 01 đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ghi ngày 04/4/2018; 01 giấy chứng minh nhân dân của chị X (Bản photo, công chứng); 02 giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); 01 đơn xác nhận nơi cư trú;

+ Bị đơn là anh Dũng đã giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án gồm: Bản tự khai ghi ngày 08/5/2018; 01 giấy chứng minh nhân dân của anh D (bản photo, công chứng);

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: Chị X và anh D thống nhất trình bày vào năm 2017 trên cơ sở tìm hiểu, do quen biết và được sự đồng ý của gia đình, chị X và anh D có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Đây là hôn nhân hợp pháp nên cả đương sự không phải chứng minh.

+ Về con chung: Chị X và anh D thống nhất trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh D thống nhất trình không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tình tiết, sự kiện này đương sự không cần phải chứng minh.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự, không thống nhất: Không có.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và qua hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan những tình tiết của vụ án; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về thủ tục tố tụng:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện chị X yêu cầu được ly hôn với anh D là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện T tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ việc:

[3]. Về hôn nhân: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị X và anh D tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau vì hiện tại chị X và anh D đều khẳng định không còn tình cảm vợ chồng. Xét việc thuận tình ly hôn giữa chị X và anh D là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị X và anh D.

[4]. Về con chung: Chị X và anh D thống nhất trình bày: Không có nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh D thống nhất trình bày trong quá trình sống chung chị X và anh D không có tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả, nay chị X và anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Trần Thị Kim X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N^o 0010813 ngày 05/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên chị X không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Kim X và anh Lê Anh D.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh D thống nhất trình bày trong quá trình sống chung chị X và anh D không có con chung, tài sản

chung và nợ chung phải thu, phải trả, nay chị X và anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Trần Thị Kim X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số N^o 0010813 ngày 05/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên chị X không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T1, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Hồng Chi